

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH GIANG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 23/03/2021

“ Về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG - TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử (HĐXX) sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Xuân Trường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Khắc Tiệp và ông Vũ Duy Tuấn.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân (VKSND) huyện Ninh Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 215/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2021/QĐST-HNGĐ ngày 01/02/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/QĐST - HNGĐ, ngày 23/02/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2021/QĐST - HNGĐ, ngày 12/3/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thu H, sinh năm 1984 - HKTT: Thôn Đ, xã H, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương. Chỗ ở: Thôn Đ, xã N, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương - Có mặt.

Bị đơn: Anh Phạm Văn H, sinh năm 1978 - ĐKKH: Thôn Đ, xã H, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện; các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, chị Phạm Thị Thu H trình bày: Chị và anh Phạm Văn H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương vào ngày 30/01/2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn vì anh H thường xuyên vắng nhà, không quan tâm đến gia đình, chị nhiều lần phân tích để anh H thay đổi tích cách nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, kéo dài, cuộc sống không có hạnh phúc cho nên đến khoảng tháng 7/2020 chị về nhà bố mẹ đẻ sống ly thân anh H cho đến nay. Chị thấy rằng tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Văn H.

Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung là Phạm Đức H, sinh ngày 26/8/2007 hiện đang được anh H và bà Vũ Thị N trực tiếp nuôi **dưỡng**. Ly hôn đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của con chung để giải quyết việc chăm sóc, nuôi dưỡng. Nếu anh H trực tiếp nuôi con thì chị tự nguyện cấp dưỡng 1000.000 đồng/tháng. Nếu chị được nuôi con thì chị không đề nghị anh H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Phạm Văn H cố tình vắng mặt nên Tòa án không làm việc được.

Theo bà Vũ Thị N là mẹ đẻ anh H cung cấp: Anh H và chị H có đăng ký kết hôn hợp pháp và chung sống với nhau tại khu đất chuyển đổi của gia đình, do vậy anh H chị H xảy ra mâu thuẫn như thế nào bà không biết, đến giữa năm 2020 chị H về nhà bố mẹ đẻ sinh sống ly thân anh H cho đến nay mỗi người một nơi, anh H và cháu Phạm Đức H về sống tại gia đình bà, anh H đi làm tự do thỉnh thoảng mới về nhà. Bà đã thông báo cho anh H biết các tài liệu tố tụng của Tòa án, nhưng do không muốn ly hôn chị H nên anh H không đến Tòa án làm việc, bà đã nhiều lần khuyên giải chị H và anh H về chung sống nhưng không có kết quả. Anh H và chị H có 01 con chung là Phạm Đức H, sinh ngày 26/8/2007, hiện nay đang ở cùng với bà, nếu hai bên ly hôn và anh H được nuôi con bà sẽ có trách nhiệm hỗ trợ anh H chăm sóc, nuôi dưỡng.

Kết quả xác minh tại UBND xã H: Chị H và anh H có đăng ký kết hôn hợp pháp, có hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã H, huyện Ninh Giang. Chị H là công chức nông nghiệp, giao thông, thủy lợi, xây dựng và nông thôn mới của xã, cuộc sống và thu nhập ổn định, anh H làm nghề tự do, chị H và anh H mâu thuẫn vì lý do gì thì địa phương không nắm rõ, theo chị H trình bày thì chị đã về nhà bố mẹ đẻ sống ly thân anh H từ giữa năm 2020 cho đến nay, UBND xã đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi chính đáng cho các đương sự.

Đại diện VKSND huyện Ninh Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã cơ bản đảm bảo đúng các thủ tục tố tụng, nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn cố tình vắng mặt không tham gia tố tụng tại Tòa án, về chứng cứ trong hồ sơ đã được thu thập đầy đủ, đảm bảo việc giải quyết vụ án được khách quan. Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 71, 72, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 21, các Điều 147 ; Điều 227, 228, 232, 262 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị xử cho chị Phạm Thị Thu H được ly hôn anh anh Phạm Văn H. Về con chung:

Xử giao con Phạm Đức H, sinh ngày 26/8/2007 cho chị Phạm Thị Thu H được trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con. Đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên không phải giải quyết. Chị Phạm Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Bị đơn, anh Phạm Văn H đã trực tiếp ký nhận Giấy triệu tập của Tòa án, đồng thời đã được gia đình thông báo cho biết các văn bản tố tụng khác của Tòa án nhưng cố tình vắng mặt, không đến tham gia các buổi làm việc cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa. Do vậy, căn cứ vào quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn anh Phạm Văn H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của chị Phạm Thị Thu H phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định chị H và anh H có đăng ký kết hôn ngày 30/01/2007, tại UBND xã H, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng phát sinh mâu thuẫn vì anh H thường xuyên vắng nhà, không quan tâm đến gia đình, vì thế hai bên đã sống ly thân từ tháng 7/2020 cho đến nay, mỗi người một nơi. Mặc dù anh H đã nhận được các tài liệu tố tụng của Tòa án nhưng vẫn cố tình vắng mặt không đến Tòa án làm việc, bỏ mặc và không thiện chí gặp gỡ hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử cho chị Phạm Thị Thu H được ly hôn anh Phạm Văn H theo qui định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị H và anh H có một con chung là Phạm Đức H, sinh ngày 26/8/2007 hiện đang ở cùng với anh H và bà Vũ Thị N. HĐXX thấy rằng nguyện vọng của cháu Phạm Đức H là muốn được tiếp tục ở cùng với bố và bà nội nếu bố mẹ ly hôn, tuy nhiên do anh H đi làm tự do ít khi về nhà nên không thể đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Xét chị H có việc làm và thu nhập ổn định, có thể đảm bảo việc nuôi con tốt hơn anh H, do vậy HĐXX giao con Phạm Đức H cho chị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành, chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết, HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 ; Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Thu H:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Phạm Thị Thu H được ly hôn anh Phạm Văn H.

2. *Về con chung*: Xử giao con Phạm Đức H, sinh ngày 26/8/2007 cho chị Phạm Thị Thu H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Phạm Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Chị Phạm Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Phạm Thị Thu H đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu số **AA/2017/0009348**, ngày **21/10/2020**, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

4. *Về quyền kháng cáo*: Chị Phạm Thị Thu H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Văn H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND huyện Ninh Giang;*
- *Chi cục THA dân sự huyện Ninh Giang;*
- *UBND xã H;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Hà Xuân Trường